TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1076/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền – *Kiểm sát viên*.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 734/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung N – sinh năm 1953 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 135/13 TQC, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 135/13 TQC, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trung N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2010 ngày 09/9/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chênh lệch tuổi tác, bất đồng quan điểm sống. Cả hai đã nỗ lực hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nay ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị C có lời khai thể hiện:

Bà và ông Nguyễn Trung N có tiến đến hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2010 ngày 09/9/2010. Sau thời gian chung sống, bà và ông N có phát sinh mâu thuẫn do chênh lệch tuổi tác, quan điểm sống, cả hai đã nỗ lực hóa giải những bất đồng nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại, bà và ông N đã không còn sống chung và không còn tình cảm với nhau. Bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không còn ý nghĩa. Nay ông N yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý. Bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án làm việc.

Về quan hệ con chung: Hai bên khai không có.

Về quan hệ tài sản chung: ông N và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông N và bà C cùng có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng ông N, bà C chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng không sống chung nhà, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông N yêu cầu ly hôn, bà C cũng đồng ý. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của ông N là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : ông N và bà C khai không có, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: ông N và bà C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: ông N và bà C khai không có, nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trung N, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn". Do bà C hiện đang cư ngụ tại quận Tân phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ông N, bà C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N và bà C.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/9/2010, thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Ông N nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà C.

Căn cứ vào các chứng cứ, lời khai của ông N và bà C, các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, thể hiện thời gian vợ chồng ông N, bà C chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Hiện ông N, bà C không sống chung nhà, mỗi người tự lo cuộc sống của mình không quan tâm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông N, bà C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông N yêu cầu được ly hôn với bà C và bà C cũng đồng ý. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của ông N là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: ông N và bà C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: ông N và bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: ông N và bà C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng ông N chịu nhưng được trừ vào số tiền ông N đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung N.

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Trung N được ly hôn với bà Nguyễn Thị C. Quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/9/2010 chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về tài sản chung : Hai bên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng ông Nguyễn Trung N chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà ông N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0035857 ngày 30/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú;
- UBND phường Phú Thạnh;
Q.Tân Phú, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn